**BẢN THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TƯ SỐ 09/2023/TT-NHNN**

**NGÀY 28/7/2023 CỦA THỐNG ĐỐC NHNN HƯỚNG DẪN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN**

**1. Tên thông tư:** Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2023/TT-NHNN ngày 28/7/2023 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật PCRT.

**2. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý**

*a. Sự cần thiết ban hành:*

- Thực hiện cam kết quốc tế của Chính phủ Việt Nam, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, đặc biệt trong việc triển khai thực hiện và hoàn thành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt[[1]](#footnote-1) với Lực lượng đặc nhiệm tài chính (FATF), sớm đưa Việt Nam ra khỏi Danh sách rà soát tăng cường (Danh sách Xám) trên cơ sở đảm bảo tối đa lợi ích quốc gia, cụ thể là Hành động số 5 tại Phụ lục KHHĐQG: “*Thực hiện hành động để giải quyết những thiếu hụt liên quan đến khuôn khổ pháp lý của Việt Nam về: - Các quy định và yêu cầu giám sát FI, DNFBP về PCRT/TTKB; - Các biện pháp phòng ngừa, đặc biệt là đối với các KN: 10, 11, 12, 16, 20 thuộc bộ chuẩn mực của FATF*”

- Tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc chính của đối tượng báo cáo trong quá trình triển khai Thông tư 09/2023/TT-NHNN; hỗ trợ công tác giám sát, nâng cao hiệu quả đánh từ phía NHNN và các cơ quan quản lý chuyên ngành.

*b. Căn cứ ban hành:*

- Điều 18 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định về Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ: *“**Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành thông tư để quy định: 1. Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 2. Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.”.*

- Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 giao Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết một số nội dung tại Luật.

**3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

*a. Phạm vi điều chỉnh:*

Thông tư này sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2023/TT-NHNN đối với các nội dung quy định về tiêu chí, phương pháp đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo; quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền và phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền; quy định nội bộ về PCRT; chế độ báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo; chế độ báo cáo giao dịch đáng ngờ; giao dịch chuyển tiền điện tử; chế độ báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử; hình thức và thời hạn báo cáo dữ liệu điện tử.

*b. Đối tượng áp dụng:*

Đối tượng áp dụng là các đối tượng đã quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-NHNN, gồm: (1) Tổ chức tài chính; (2) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan; (3) Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức nước ngoài, người nước ngoài, tổ chức quốc tế có giao dịch với tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan; (4) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến PCRT.

**4. Bố cục dự thảo Thông tư**

Dự thảo Thông tư gồm 04 điều, cụ thể:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2023/TT-NHNN ngày 28/7/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền, trong đó: sửa đổi 12 khoản tại các Điều 4, 5, 7, 9, 10; bổ sung mới 05 khoản tại các Điều 3, 4, 5, 8 và sửa đổi Điều 6.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số cụm từ, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-NHNN

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 4. Điều khoản thi hành.

**5. Bảng so sánh, thuyết minh các nội dung tại dự thảo Thông tư**

| **TT** | **Quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-NHNN** | **Quy định tại dự thảo Thông tư** | **Thuyết minh lý do sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Điều 3. Tiêu chí, phương pháp đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo** |  |  |
|  | Bổ sung khoản 6 Điều 3 như sau:“*6. Đối tượng báo cáo phải báo cáo kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Phòng, chống rửa tiền cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ, ngành quản lý nhà nước theo lĩnh vực của đối tượng báo cáo theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này*”. | Hiện nay, Thông tư số 09/2023/TT-NHNN đã quy định tiêu chí, phương pháp đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Phòng, chống rửa tiền, tuy nhiên, chưa có quy định về mẫu báo cáo kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của các đối tượng báo cáo. Việc thiếu quy định mẫu báo cáo dẫn đến một số bất cập trong quá trình triển khai thực hiện, cụ thể:- Các đối tượng báo cáo hiện đang tự xây dựng và gửi báo cáo kết quả đánh giá rủi ro theo các mẫu biểu, hình thức trình bày khác nhau. Điều này gây khó khăn cho NHNN và các bộ, ngành quản lý trong việc tổng hợp, so sánh và đánh giá chất lượng giữa các báo cáo.- Thời gian qua, NHNN (Cục PCRT) đã tiếp nhận ý kiến của một số đối tượng báo cáo đề nghị có hướng dẫn thống nhất về mẫu báo cáo đánh giá rủi ro để thuận tiện trong quá trình thực hiện và đảm bảo tính đầy đủ, đồng bộ của thông tin báo cáo. Do đó, việc bổ sung quy định tại Thông tư nhằm: (i) thiết lập cơ sở pháp lý cho việc ban hành mẫu báo cáo đánh giá rủi ro; (ii) đảm bảo tính thống nhất, minh bạch trong báo cáo giữa các đối tượng báo cáo; (iii) hỗ trợ công tác giám sát, đánh giá hiệu quả hơn từ phía NHNN và các cơ quan quản lý chuyên ngành. |
| 2 | **Điều 4. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền và phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền** |  |  |
| 1. Căn cứ kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này, đối tượng báo cáo xây dựng và ban hành quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền phải được thể hiện theo từng bước phù hợp với quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động của đối tượng báo cáo để quản lý rủi ro về rửa tiền. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền bao gồm các nội dung tối thiểu sau:a) Xác định phạm vi, mục tiêu của hoạt động quản lý rủi ro về rửa tiền;b) Xác định, đánh giá mức độ ảnh hưởng của rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo;c) Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, trung bình, cao dựa vào các yếu tố sau: khách hàng; sản phẩm, dịch vụ khách hàng đang sử dụng hoặc có ý định sử dụng; vị trí địa lý nơi khách hàng cư trú hoặc có trụ sở chính và yếu tố khác do đối tượng báo cáo tự xác định, phân loại phù hợp với thực tế phát sinh và được quy định trong quy trình quản lý rủi ro;d) Quy trình để nhận diện và đánh giá mức độ rủi ro về rửa tiền trước khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới;đ) Quy trình quản lý rủi ro để thực hiện, từ chối, tạm dừng, kiểm soát sau giao dịch hoặc xem xét, báo cáo giao dịch đáng ngờ các giao dịch chuyển tiền điện tử không chính xác, không đầy đủ các thông tin theo yêu cầu;e) Các biện pháp áp dụng tương ứng với các mức độ rủi ro về rửa tiền của khách hàng, bao gồm tần suất cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng, mức độ giám sát giao dịch của khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền, các biện pháp nhận biết khách hàng ở mức độ giảm nhẹ và biện pháp tăng cường quy định tại khoản 2, 5 Điều này. | 1. Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Căn cứ kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này, đối tượng báo cáo xây dựng và ban hành quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền *người quản lý doanh nghiệp* và thể hiện theo từng bước phù hợp với quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động của đối tượng báo cáo để quản lý rủi ro về rửa tiền. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền bao gồm các nội dung tối thiểu sau:a) Xác định phạm vi, mục tiêu của hoạt động quản lý rủi ro về rửa tiền;b) Xác định, đánh giá mức độ ảnh hưởng của rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo;c) Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, trung bình, cao dựa vào các yếu tố sau: khách hàng; sản phẩm, dịch vụ khách hàng đang sử dụng hoặc có ý định sử dụng; vị trí địa lý nơi khách hàng cư trú hoặc có trụ sở chính và yếu tố khác do đối tượng báo cáo tự xác định, phân loại phù hợp với thực tế phát sinh và được quy định trong quy trình quản lý rủi ro;*d) Quy trình nhận biết khách hàng trên cơ sở rủi ro gồm các nội dung sau:**(i) Các trường hợp phải nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 9 Luật Phòng, chống rửa tiền bao gồm trường hợp giao dịch được thực hiện đơn lẻ hay một chuỗi giao dịch đến từ một hoặc nhiều tổ chức tài chính; Đối với giao dịch chuyển tiền điện tử, đối tượng báo cáo phải lập số tham chiếu cho phép truy xuất nguồn gốc của giao dịch;**(ii) Việc xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại các Điều 12, 13, 14 Luật Phòng, chống rửa tiền;**(iii) Việc nhận biết khách hàng khi khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý;**(iv) Việc nhận biết chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân bằng phương thức khác;**(v) Việc thực hiện quy trình quản lý rủi ro phải được áp dụng trước khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng bao gồm: Xác định rõ các yêu cầu cụ thể với khách hàng trong trường hợp cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng trước khi hoàn tất việc xác minh thông tin/ Xây dựng quy trình quản lý rủi ro liên quan đến các điều kiện mà theo đó khách hàng có thể tận dụng mối quan hệ kinh doanh trước khi diễn ra việc xác minh;**(vi) Việc nhận biết khách hàng.*đ) Quy trình để nhận diện và đánh giá mức độ rủi ro về rửa tiền trước khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới;e) Quy trình quản lý rủi ro để thực hiện, từ chối, tạm dừng, kiểm soát sau giao dịch hoặc xem xét, báo cáo giao dịch đáng ngờ các giao dịch chuyển tiền điện tử không chính xác, không đầy đủ các thông tin theo yêu cầu; | 1. Về việc quy định rõ thẩm quyền phê duyệt quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền là do: - Theo khuyến nghị của FATF, NHNN phải có quy định yêu cầu các tổ chức tài chính và các tổ chức kinh doanh ngành nghề phi tài chính được chỉ định (DNFBP) có các chính sách, kiểm soát và các thủ tục được quản lý cấp cao phê chuẩn. - Hiện tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 09/2023/TT-NHNN chỉ yêu cầu tổ chức tài chính xây dựng và thực hiện quy trình, chưa quy định cụ thể cấp có thẩm quyền phê duyệt. Về nguyên tắc, tổ chức tài chính ban hành quy trình nội bộ theo phân cấp tại quy định nội bộ, tuy nhiên, việc này có thể dẫn tới việc quy trình được xây dựng, ban hành nhưng chưa đảm bảo tuân thủ và đáp ứng yêu cầu về sự giám sát của “*quản lý cấp cao*”.- Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp quy định: “*24. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý doanh nghiệp tư nhân và người quản lý công ty, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty”.*- Một số văn bản điều chỉnh hoạt động quản lý rủi ro trong lĩnh vực ngân hàng (như Thông tư 13/2018/TT-NHNN) đã xác lập rõ vai trò của Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch HĐQT trong phê duyệt chính sách quan trọng. Việc bổ sung thẩm quyền tại Thông tư 09 sẽ tạo tính nhất quán trong hệ thống pháp luật.2. Về việc bổ sung *“Quy trình nhân biết khách hàng trên cơ sở rủi ro*”- Điểm b khoản 1 Điều 24 Luật PCRT quy định: *“1. Đối tượng báo cáo là tổ chức phải ban hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền bao gồm nội dung chính sau đây:**… b) Quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng*;” Việc bổ sung *“Quy trình nhân biết khách hàng trên cơ sở rủi ro*” để hướng dẫn chi tiết quy định tại Luật PCRT, đảm bảo sự phù hợp với nguyên tắc quản lý rủi ro trong phòng, chống rửa tiền. Luật PCTRT 2022 đều nhấn mạnh nguyên tắc "áp dụng biện pháp phòng ngừa trên cơ sở rủi ro" đối với khách hàng, sản phẩm và giao dịch. - Thông tư số 09/2023/TT-NHNN chưa tách bạch và cụ thể hóa quy trình nhận biết khách hàng trên cơ sở rủi ro trong nhận biết khách hàng, khiến việc thực thi nguyên tắc này còn lúng túng hoặc thiếu trọng tâm. Việc bổ sung riêng một quy trình nhận biết khách hàng trên cơ sở rủi ro sẽ giúp tổ chức tài chính thiết lập quy trình phù hợp hơn với từng loại khách hàng và mức độ rủi ro, nâng cao hiệu quả nhận diện và giảm thiểu rủi ro bị lợi dụng để rửa tiền. Trong thực tế giám sát, nhiều tổ chức tài chính thực hiện nhận biết khách hàng còn mang tính hình thức, máy móc, do thiếu hướng dẫn cụ thể về áp dụng quy trình nhận biết KH trên cơ sở rủi ro.- Khuyến nghị số 10 của FATF nêu rõ: tổ chức tài chính phải áp dụng biện pháp KYC trên cơ sở rủi ro, bao gồm: Đánh giá rủi ro của khách hàng, phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro (thấp, trung bình, cao), Áp dụng các biện pháp nhận biết và giám sát phù hợp với từng mức rủi ro. Việc không quy định cụ thể nội dung này có thể khiến tổ chức tài chính không tuân thủ đầy đủ các yêu cầu đánh giá và xử lý rủi ro theo FATF, gây ảnh hưởng đến kết quả đánh giá quốc gia về phòng, chống rửa tiền.Việc yêu cầu có một quy trình riêng sẽ là cơ sở pháp lý rõ ràng để NHNN đánh giá mức độ tuân thủ của các tổ chức tài chính trong các cuộc thanh tra, kiểm tra. |
|  |  | g) Các biện pháp áp dụng tương ứng với các mức độ rủi ro về rửa tiềncủa khách hàng, bao gồm *nội dung cập nhật toàn bộ thông tin nhận biết khách hàng, tần suất cập nhật thường xuyên toàn bộ thông tin nhận biết khách hàng,* xác minh thông tin nhận biết khách hàng*,* mức độ giám sát giao dịch của khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền, các biện pháp nhận biết khách hàng ở mức độ giảm nhẹvà biện pháp tăng cường quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều này. | - Việc bổ sung tại điểm “g” giúp làm rõ yêu cầu và hướng dẫn tổ chức tài chính triển khai đúng và đầy đủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tránh hiểu sai hoặc thực hiện hình thức.- Việc sửa đổi đồng thời cũng tuân thủ và phù hợp thông lệ quốc tế, giúp Việt Nam đáp ứng đầy đủ yêu cầu của FATF, phục vụ cho đánh giá đa phương, cụ thể: Khuyến nghị 10 của FATF yêu cầu “*áp dụng biện pháp giảm nhẹ, tăng cường, xác minh, cập nhật thông tin và giám sát giao dịch theo mức rủi ro*”. - Thời gian qua, NHNN (Cục PCRT) nhận được phản ánh của các tổ chức tài chính về việc gặp khó khăn, vướng mắc khi thiết kế chính sách nhận biết khách hàng theo rủi ro. Việc bổ sung tại điểm “g” vừa đảm bảo sự thống nhất với việc bổ sung các khoản nêu tại Điều 4 trên, đồng thời là cơ sở để tổ chức tài chính xây dựng quy trình nội bộ, hệ thống công nghệ, và phân loại khách hàng nhất quán, hiệu quả hơn.Đồng thời, việc sửa đổi, bổ sung góp phần hỗ trợ NHNN trong quá trình thực hiện kiểm tra, đánh giá mức độ tuân thủ của các tổ chức tài chính đảm bảo minh bạch và thống nhất. |
|  | 3. Đối tượng báo cáo không được áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng ở mức độ giảm nhẹ trong trường hợp nghi ngờ liên quan đến rửa tiền. | Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 Thông tư 09/2023/TT-NHNN như sau: “Đối tượng báo cáo không được áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng ở mức độ giảm nhẹ trong trường hợp nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố *hoặc trùng với kịch bản rủi ro cao do đối tượng báo cáo xác định*” | Việc sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo:- Cụ thể hóa yêu cầu của Khuyến nghị 10.18 của FATF: Khuyến nghị 10.18 quy định rõ: “*Các biện pháp đơn giản hóa này phải tương xứng với các yếu tố rủi ro thấp, nhưng sẽ không được chấp nhận một khi có nghi ngờ về RT/TTKB hoặc khi kịch bản về rủi ro cao được áp dụng”* Việc bổ sung quy định này là cần thiết để đảm bảo pháp luật Việt Nam tương thích hoàn toàn với chuẩn mực quốc tế, phục vụ công tác đánh giá của FATF/APG.- Thực tế cho thấy, một số tổ chức tài chính có thể áp dụng biện pháp đơn giản hóa với lý do khách hàng thuộc nhóm “*rủi ro thấp*” dù đã xuất hiện dấu hiệu nghi ngờ. Nếu khách hàng trùng khớp với các kịch bản này, nhưng vẫn được hưởng biện pháp giảm nhẹ, sẽ dẫn đến lỗ hổng lớn trong kiểm soát nội bộ. Bổ sung quy định này giúp tổ chức tài chính có cơ sở pháp lý rõ ràng để loại trừ áp dụng giảm nhẹ khi rủi ro tăng cao.  |
|  |  | - Bổ sung tại khoản 6 Điều 4 như sau: *“Đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ ngay sau khi người thụ hưởng được xác định và phải xác minh thông tin về người thụ hưởng vào thời điểm chi trả. Thông tin người thụ hưởng của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là một trong các yếu tố rà soát, phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền”.*  | Việc bổ sung khoản 6 tại Điều 4 nhằm mục đích:- Bổ sung thiếu hụt của Khuyến nghị 10.12, 10.12a, 10.12b và 10.13 của FATF về việc CDD đối với chủ sở hữu hưởng lợi của bên thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm nhân thọ. Hiện nay, Thông tư 09/2023/TT-NHNN chưa quy định nội dung này, dẫn đến khoảng trống pháp lý trong việc kiểm soát rửa tiền qua sản phẩm bảo hiểm nhân thọ – lĩnh vực dễ bị lợi dụng để che giấu dòng tiền bất hợp pháp. - Trong bảo hiểm nhân thọ, người thụ hưởng thường được xác định sau thời điểm ký hợp đồng, hoặc có thể thay đổi trong suốt thời hạn hợp đồng. Vì vậy, việc chỉ xác định khách hàng là bên mua bảo hiểm là chưa đủ để đánh giá rủi ro rửa tiền.Việc bổ sung nghĩa vụ xác định và xác minh người thụ hưởng, cũng như sử dụng thông tin người thụ hưởng để đánh giá mức độ rủi ro, sẽ giúp tổ chức tài chính: nhận diện đầy đủ các bên liên quan trong giao dịch, tăng cường khả năng phát hiện giao dịch đáng ngờ, Hạn chế việc lợi dụng hợp đồng bảo hiểm làm công cụ chuyển tài sản. |
| 3 | **Điều 5. Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền** |  |  |
| Nội dung quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền của đối tượng báo cáo tại các điểm b, c, e, g, h, i, k khoản 1 Điều 24 Luật Phòng, chống rửa tiền như sau: | Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, 3, 9 Điều 5 như sau:“Nội dung quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền của đối tượng báo cáo tại các điểm b, c, e, g, h, i, k khoản 1 Điều 24 Luật Phòng, chống rửa tiền như sau:1. Quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng bao gồm việc thu thập, cập nhật, xác minh thông tin theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, *bao gồm: Quy định về các trường hợp nhận biết khách hàng, bao gồm cả trường hợp nhận biết đối với khách hàng có tài khoản hoặc không có tài khoản nhưng không giao dịch trong thời gian 06 tháng liên tục trước đó thực hiện một giao dịch hoặc một chuỗi giao dịch đến từ một hoặc nhiều tổ chức tài chính nghi ngờ có sự gắn kết với nhau để nộp, rút hoặc chuyển khoản có tổng giá trị từ 400.000.000 đồng hoặc bằng ngoại tệ có giá trị tương đương trở lên trong một ngày. Quy định về trường hợp nhận biết đối với người đại diện của khách hàng cá nhân, người đại diện theo pháp luật của khách hàng tổ chức; Quy định về nhận biết thông tin khách hàng là thỏa thuận pháp lý, thông tin nhận biết bao gồm: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt (đối với quỹ ủy thác) hoặc tên người ủy thác (đối với cá nhân ủy thác); địa chỉ trụ sở chính đối với quỹ ủy thác, địa chỉ quốc tịch đối với cá nhân ủy thác; thông tin đăng ký/cấp phép do cơ quan thẩm quyền nước ngoài cấp (nếu có); lĩnh vực hoạt động; bên nhận ủy thác, người thụ hưởng, các bên liên quan (nếu có), cá nhân có quyền kiểm soát cuối cùng đối với ủy thác; Quy định về xác minh thông tin nhận biết khách hàng bao gồm cả xác minh thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng từ các nguồn thông tin đáng tin cậy;Quy định về phân cấp trách nhiệm nhận biết khách hàng theo mức độ rủi ro và theo quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động của đối tượng báo cáo.* | Việc sửa đổi, bổ sung nội dung tại Khoản 1, 3 và 9 Điều 5 Thông tư 09/2023/TT-NHNN được thực hiện trên cơ sở các lý do sau:1. Làm rõ và khắc phục thiếu hụt tại Khuyến nghị 10 của FATF và Đánh giá của APGTheo Khuyến nghị của FATF tại 10.2, 10.3, 10.4, yêu cầu về nhận biết khách hàng đối với giao dịch không thường xuyên bằng hoặc vượt ngưỡng giá trị được quy định vẫn còn chưa rõ ràng, đặc biệt là đối với các chuỗi giao dịch có dấu hiệu liên quan nhưng chưa cấu thành hành vi đáng ngờ riêng lẻ. APG nhận xét rằng: “vẫn chưa rõ điều này có bao gồm các giao dịch được thực hiện trong một số hoạt động có vẻ như có liên quan hay không, mà không ảnh hưởng đến bao gồm cả các hoạt động đơn lẻ.”Việc sửa đổi lần này đưa thêm khái niệm về “*đến từ một hoặc nhiều tổ chức tài chính nghi ngờ có sự gắn kết với nhau*” nhằm đảm bảo rằng các hoạt động chia nhỏ giao dịch nhằm né tránh ngưỡng báo cáo sẽ vẫn bị giám sát và phải thực hiện nhận biết khách hàng theo đúng yêu cầu quốc tế.2. Bổ sung cụ thể hóa các tình huống nhận biết khách hàng để đảm bảo thống nhất và khả thi trong triển khaiĐiều này không chỉ giúp các đối tượng báo cáo có cơ sở thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ CDD, mà còn góp phần chuẩn hóa các tình huống thực tế, tránh hiểu sai hoặc bỏ sót nghĩa vụ nhận biết. |
| 1. Quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng bao gồm việc thu thập, cập nhật, xác minh thông tin theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và có các nội dung quy định về các trường hợp nhận biết, thông tin nhận biết, cập nhật; phân cấp trách nhiệm nhận biết khách hàng theo mức độ rủi ro và theo quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động của đối tượng báo cáo. |
| 3. Quy định về lưu trữ và bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 38, Điều 40 Luật Phòng, chống rửa tiền. | 3. Quy định về lưu trữ và bảo mật thông tin theo quy định *theo quy định tại Điều 38, Điều 40 Luật Phòng, chống rửa tiền, trong đó bao gồm trách nhiệm lưu trữ các thông tin, hồ sơ, tài liệu, kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo và cung cấp kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, và cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các giao dịch dưới mức giao dịch phải báo cáo để thực hiện phục vụ rà soát, đối chiếu truy soát giao dịch khi có yêu cầu trong thời hạn 5 năm kể từ ngày kết thúc giao dịch hoặc ngày đóng tài khoản.* | 1. Luật Phòng, chống rửa tiền 2022 đã quy định thời hạn lưu giữ thông tin là 5 năm kể từ ngày kết thúc giao dịch hoặc ngày đóng tài khoản, nhưng Thông tư 09/2023/TT-NHNN hiện chưa cụ thể hóa nội dung này cho các trường hợp giao dịch dưới ngưỡng. Việc sửa đổi nhằm làm rõ trách nhiệm lưu trữ và bảo mật thông tin, bao gồm cả các giao dịch dưới ngưỡng phải báo cáo. Quy định này tạo cơ sở pháp lý để đảm bảo khả năng truy soát giao dịch khi có yêu cầu, phù hợp với thông lệ quốc tế và yêu cầu tăng cường minh bạch trong hoạt động tài chính.2. Làm rõ và đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị 11, Tiêu chí 3 của Khuyến nghị 16. |
| 9. Nội dung trách nhiệm của cá nhân, bộ phận có liên quan trong việc thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền phải bảo đảm:a) Phân công một người quản lý của đối tượng báo cáo hoặc người được người quản lý ủy quyền chịu trách nhiệm về tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền (sau đây gọi là người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền);b) Tùy theo quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động, đối tượng báo cáo phải thành lập bộ phận chuyên trách (tổ, phòng, ban) hoặc chỉ định một bộ phận hoặc chỉ định một người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại trụ sở chính; phân công một hoặc một số người hoặc bộ phận chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại chi nhánh, công ty con của đối tượng báo cáo có liên quan đến nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền (nếu có). | *“*9. Nội dung trách nhiệm của cá nhân, bộ phận có liên quan trong việc thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền phải bảo đảm:a) Phân công một người quản lý của đối tượng báo cáo hoặc được người quản lý cấp cao ủy quyền chịu trách nhiệm về tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền (sau đây gọi là người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền);b) Tùy theo quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động, đối tượng báo cáo phải thành lập bộ phận chuyên trách (tổ, phòng, ban) hoặc chỉ định một bộ phận hoặc chỉ định một người *phụ trách* về phòng, chống rửa tiền tại trụ sở chính; phân công một hoặc một số người hoặc bộ phận *phụ trách* về phòng, chống rửa tiền tại chi nhánh, công ty con của đối tượng báo cáo có liên quan đến nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền trong trường hợp không có hội sở chính tại Việt Nam (nếu có)”. | ​Việc sửa đổi Khoản 9 Điều 5 Thông tư 09/2023/TT-NHNN nhằm cụ thể hóa trách nhiệm của các cá nhân và bộ phận liên quan trong công tác phòng, chống rửa tiền. Quy định mới yêu cầu đối tượng báo cáo phải phân công một người quản lý chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền. Những điều chỉnh này nhằm mục đích làm rõ trách nhiệm và tăng cường hiệu quả quản lý, giám sát nội bộ và đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định về phòng, chống rửa tiền trong toàn bộ tổ chức. |
|  | 10. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm:…b) Hằng năm, rà soát, cập nhật các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, chính sách, quy trình quản lý rủi ro phù hợp với kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo và tình hình thực tế thực hiện để đánh giá quy định nội bộ và xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp; gửi quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền;c) Hằng năm, gửi báo cáo kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền tại đối tượng báo cáo cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính trừ các đối tượng báo cáo không phải thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật;d) Đăng ký thông tin về họ tên, địa chỉ nơi làm việc, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử để liên lạc khi cần thiết của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều này và người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền hoặc người đầu mối thuộc bộ phận theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều này; địa chỉ thư điện tử của bộ phận theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều này (nếu có) cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền;đ) Thông báo bằng văn bản cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền khi thông tin quy định tại điểm d khoản 10 Điều này có thay đổi trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thay đổi thông tin. | b) Hằng năm, rà soát, cập nhật các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, chính sách, quy trình quản lý rủi ro phù hợp với kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo và tình hình thực tế thực hiện để đánh giá quy định nội bộ và xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp; *trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền* gửi quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền cho *Cục Phòng, chống rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng và Bộ, ngành quản lý nhà nước theo lĩnh vực đối với các đối tượng báo cáo khác;* c) Hằng năm, *trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ các đối tượng báo cáo không phải thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật, gửi báo cáo kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền tại đối tượng báo cáo cho* *Cục Phòng, chống rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng và Bộ, ngành quản lý nhà nước theo lĩnh vực đối với các đối tượng báo cáo khác;* d) Đăng ký thông tin về họ tên, địa chỉ nơi làm việc, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử để liên lạc khi cần thiết của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều này và người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền hoặc người đầu mối thuộc bộ phận theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều này; địa chỉ thư điện tử của bộ phận theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều này (nếu có) cho Cục Phòng, chống rửa tiền và Bộ, ngành quản lý nhà nước theo lĩnh vực của đối tượng báo cáo;đ) Thông báo bằng văn bản cho Cục Phòng, chống rửa tiền và Bộ, ngành quản lý nhà nước theo lĩnh vực của đối tượng báo cáo khi thông tin quy định tại điểm d khoản 10 Điều này có thay đổi trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thay đổi thông tin”. | 1. Theo quy định tại khoản 11 Điều 48 Luật PCRT, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm:*“11. Giám sát đối tượng báo cáo trong việc thực hiện báo cáo quy định tại các điều 25, 26 và 34 của Luật này; phối hợp cung cấp thông tin giám sát cho các Bộ, ngành để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về phòng, chống rửa tiền.”*Như vậy, đối với đối tượng báo cáo (ĐTBC) ngoài lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, NHNNVN chỉ có trách nhiệm giám sát việc thực hiện báo cáo đối với giao dịch vượt ngưỡng và giao dịch đáng ngờ. Tại các điều từ 51-58 Luật PCRT giao trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát đối tượng báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước cho các bộ, ngành có liên quan. Thực tiễn tiếp nhận quy định nội bộ, kiểm toán nội bộ, đánh giá rủi ro đối với các ĐTBC ngoài ngành rất lớn (khoảng 25.000 ĐTBC ngoài ngành), trong khi NHNN không được giao trách nhiệm giám sát các loại báo cáo này đối với ĐTBC ngoài ngành.Trên cơ sở đó, NHNN đề xuất sửa nội dung quy định tại Thông tư theo hướng: Cục PCRT thuộc NHNN chỉ nhận các quy định nội bộ, báo cáo kiểm toán về PCRT của các đối tượng báo cáo trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng; các bộ, ngành khác quản lý các đối tượng báo cáo khác sẽ nhận các quy định nội bộ, báo cáo kiểm toán về PCRT của đối tượng báo cáo do mình quản lý để thực hiện hoạt động giám sát theo quy định của Luật PCRT.2. Thay thế cụm từ “Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Phòng, chống rửa tiền” |
|  | Bổ sung khoản 12 như sau:*“Đối tượng báo cáo phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, dữ liệu báo cáo gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam* *và cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.* | Quy định rõ trách nhiệm của đối tượng báo cáo về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, dữ liệu báo cáo gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan nhà nước có thẩm quyền |
| 4 | **Điều 6. Chế độ báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo** | Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau: |  |
| 1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Phòng, chống rửa tiền cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền bằng dữ liệu điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này hoặc báo cáo bằng văn bản giấy theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này khi chưa thiết lập được hệ thống công nghệ thông tin tương thích phục vụ cho việc báo cáo. | *1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Phòng, chống rửa tiền cho Cục Phòng, chống rửa tiền bằng dữ liệu điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này hoặc báo cáo bằng văn bản giấy theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này khi chưa kết nối được với hệ thống báo cáo bằng dữ liệu điện tử của Cục Phòng, chống rửa tiền. Trong trường hợp ttối tượng báo cáo trực tiếp cung cấp dịch vụ phát sinh các giao dịch tiền mặt tại quầy hoặc qua ATM phải thực hiện lưu trữ, để đảm bảo báo cáo các giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo.* | 1. Thay thế cụm từ “*Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*” bằng cụm từ “*Cục Phòng, chống rửa tiền*”2. Đáp ứng tuân thủ Khuyến nghị số 10 của FATF, theo đó: FATF đề xuất các quốc gia áp dụng biện pháp nhận biết khách hàng đối với các giao dịch có giá trị lớn, đặc biệt là giao dịch tiền mặt (bao gồm qua ATM).3. Xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức tài chính trong việc giám sát, báo cáo các giao dịch tiền mặt có giá trị lớn.  |
|  | *2.*  |
| 2. Trường hợp khách hàng nộp ngoại tệ tiền mặt có giá trị lớn để mua đồng Việt Nam hoặc nộp tiền mặt bằng đồng Việt Nam có giá trị lớn để mua ngoại tệ tiền mặt thì chỉ báo cáo giao dịch nộp tiền mặt. |  |
| 5 | **Điều 7. Chế độ báo cáo giao dịch đáng ngờ** | Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau: | 1. Thay thế cụm từ “*Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*” bằng cụm từ “*Cục Phòng, chống rửa tiền*”.2. Sử dụng thống nhất cụm từ “*rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt”* để phù hợp với Khuyến nghị 20 của FATF và giao dịch liên quan đến phòng, chống khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt*.* |
| 1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền khi phát hiện giao dịch đáng ngờ theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền. Báo cáo được thực hiện bằng văn bản giấy theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này hoặc báo cáo bằng dữ liệu điện tử khi triển khai thiết lập được hệ thống công nghệ thông tin tương thích phục vụ cho việc báo cáo bằng dữ liệu điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này và không áp dụng trong trường hợp báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền. | “1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo khi phát hiện giao dịch đáng ngờ *về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt* theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền. Báo cáo bằng dữ liệu điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này hoặc báo cáo bằng văn bản giấy theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này *trong trường hợp không* kết nối được với hệ thống báo cáo bằng dữ liệu điện tử của *Cục phòng, chống rửa tiền*. Đối tượng báo không sử dụng mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ để báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.  |
| 2. Việc báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền không phụ thuộc vào lượng tiền giao dịch của khách hàng, giao dịch đó đã hoàn thành hay chưa. | 2. *Đối tượng báo cáo phải rà soát các dấu hiệu đáng ngờ quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền và các dấu hiệu khác liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do đối tượng báo cáo tự xác định.*Việc báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền không phụ thuộc vào lượng tiền giao dịch của khách hàng, giao dịch đó đã hoàn thành hay chưa. *Đối tượng báo cáo xem xét thực hiện báo cáo giao dịch đáng ngờ khi không thể hoàn tất thủ tục nhận biết khách hàng và có nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.*  | 1. Thay thế cụm từ “*Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*” bằng cụm từ “*Cục Phòng, chống rửa tiền*”2. Bổ sung nội dung: “*Đối tượng báo cáo phải rà soát các dấu hiệu đáng ngờ quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền và các dấu hiệu khác liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do đối tượng báo cáo tự xác định*”**Lý do bổ sung:** Khắc phục thiếu hụt tại Khuyến nghị số 20 được Nhóm JG chỉ ra về việc các dấu hiệu đáng ngờ được quy định tại các điều từ Điều 27 đến Điều 33 của Luật PCRT chủ yếu liên quan đến các thủ đoạn rửa tiền, chưa có quy định rõ ràng về các dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. - Bổ sung nội dung: “*Đối tượng báo cáo xem xét thực hiện báo cáo giao dịch đáng ngờ khi không thể hoàn tất thủ tục nhận biết khách hàng và có nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt*”**Lý do bổ sung:** Khắc phục thiếu hụt tại Khuyến nghị số 10.19 được Nhóm JG chỉ ra như sau: “Không có nghĩa vụ phải nộp báo cáo giao dịch đáng ngờ trong các trường hợp được nêu tại tiêu chí 10.19 (trường hợp tổ chức tài chính không thể tuân thủ các biện pháp CDD). |
|  | 3. Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền có trách nhiệm xác nhận việc đã nhận được báo cáo giao dịch đáng ngờ thông qua hình thức gửi thư điện tử đến địa chỉ thư điện tử của cá nhân hoặc bộ phận theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 5 Thông tư này hoặc bằng văn bản giấy trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo giao dịch đáng ngờ; trao đổi với đối tượng báo cáo những vấn đề phát sinh (nếu có). | *“*3. *Cục Phòng, chống rửa tiền* có trách nhiệm xác nhận việc đã nhận được báo cáo giao dịch đáng ngờ *trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu theo quy định;* trao đổi với đối tượng báo cáo những vấn đề phát sinh (nếu có)”. | - Dự thảo Thông tư bỏ nội dung xác nhận đã nhận được báo cáo giao dịch đáng ngờ thông qua hình thức gửi thư điện tử đến địa chỉ thư điện tử của cá nhân hoặc bộ phận theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 5 Thông tư 09 hoặc bằng văn bản giấy, do: Cục PCRT đang triển khai tiếp nhận báo cáo giao dịch đáng ngờ bằng hình thức điện tử và sẽ thiết lập hệ thống để gửi xác nhận đã nhận được báo cáo giao dịch đáng ngờ điện tử do vậy không cần thiết quy định về việc gửi thư điện tử hoặc văn bản giấy như nêu trên.- Bổ sung nội dung nhận đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu theo quy định để làm rõ tiêu chí khi thực hiện xác nhận báo cáo giao dịch đáng ngờ. |
| 6 | **Điều 8. Giao dịch chuyển tiền điện tử** | Bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 8 như sau: |  |
|  |  | *5. Các tổ chức tài chính tham gia vào chuỗi giao dịch chuyển tiền điện tử có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và đảm bảo thông tin điện chuyển tiền duy trì trong toàn bộ chuỗi giao dịch, giao dịch theo lô bao gồm thông tin về người khởi tạo, người thụ hưởng, thông tin để xác định, phân biệt giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế, giao dịch chuyển tiền điện tử trong nước cho tổ chức nhận điện chuyển tiền.* | Việc bổ sung khoản 5 và khoản 6 vào Điều 8 Thông tư số 09/2023/TT-NHNN nhằm cụ thể hóa trách nhiệm của các tổ chức tài chính trong việc đảm bảo tính minh bạch, truy xuất thông tin và tăng cường thẩm tra, xác minh các giao dịch chuyển tiền điện tử, phù hợp với pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố. |
|  |  | *6. Các tổ chức tài chính tham gia vào giao dịch chuyển tiền điện tử có trách nhiệm thẩm tra, xác minh giao dịch* *và thực hiện tăng cường thẩm tra, xác minh nếu nghi ngờ khách hàng thực hiện giao dịch có liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố với tất cả các giao dịch bao gồm cả giao dịch dưới mức phải báo cáo.* | Bổ sung quy định để làm rõ trách nhiệm thẩm tra, xác minh: Yêu cầu các tổ chức tài chính tham gia vào giao dịch chuyển tiền điện tử phải thẩm tra, xác minh giao dịch và thực hiện tăng cường thẩm tra, xác minh khi nghi ngờ khách hàng có liên quan đến hoạt động rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố, bao gồm cả các giao dịch dưới mức phải báo cáo. Điều này đảm bảo rằng mọi giao dịch đáng ngờ đều được xem xét kỹ lưỡng, không bỏ sót các hoạt động tiềm ẩn rủi ro.​3. Phù hợp với Khuyến nghị 16 của FATF về việc các quốc gia cần yêu cầu các tổ chức tài chính thu thập, lưu trữ và chuyển tiếp đầy đủ thông tin về người khởi tạo và người thụ hưởng trong các giao dịch chuyển tiền điện tử, nhằm đảm bảo tính minh bạch và hỗ trợ công tác phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.​ Ngoài ra, FATF cũng yêu cầu các tổ chức tài chính áp dụng các biện pháp thẩm tra, xác minh và báo cáo đối với các giao dịch nghi ngờ, không phân biệt giá trị giao dịch, nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động bất hợp pháp.Việc bổ sung quy định nêu trên nhằm khắc phục thiếu hụt được chỉ ra tại Khuyến nghị 16 (tiêu chí 16.4). |
| 7 | **Điều 9. Chế độ báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử** |  |  |
| 2. Trường hợp đối tượng báo cáo là tổ chức tài chính trung gian trong giao dịch chuyển tiền điện tử không phải thực hiện báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này. |  |  |
| 3. Nội dung báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử tối thiểu gồm các thông tin sau:…d) Thông tin về giao dịch: số tài khoản (nếu có); số tiền; loại tiền; số tiền được quy đổi sang đồng Việt Nam (nếu loại tiền giao dịch là ngoại tệ); lý do, mục đích giao dịch; mã giao dịch; ngày giao dịch; | Đề nghị sửa đổi điểm d khoản 3 như sau:“d) Thông tin về giao dịch: số tài khoản (nếu có); số tiền; loại tiền; số tiền được quy đổi sang đồng Việt Nam (nếu loại tiền giao dịch là ngoại tệ); lý do, mục đích giao dịch; mã giao dịch; ngày giao dịch; *số tham chiếu duy nhất do tổ chức tài chính khởi tạo hoặc tổ chức tài chính trung gian gửi đến đảm bảo truy xuất nguồn gốc của giao dịch”.* | 1. Số tham chiếu duy nhất hỗ trợ các tổ chức tài chính trong việc quản lý hồ sơ giao dịch, giảm thiểu sai sót và tăng cường tính chính xác trong quá trình xử lý và báo cáo thông tin.​ Việc sửa đổi nhằm cụ thể hóa và nâng cao yêu cầu về thu thập, lưu trữ thông tin giao dịch, đặc biệt là việc bổ sung số tham chiếu duy nhất, giúp tăng cường khả năng truy xuất, giám sát và phòng ngừa các hoạt động rửa tiền, phù hợp với pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế.2. Phù hợp với Khuyến nghị 11 của FATF. |
|  | 4. Các thông tin về ngày, tháng, năm sinh, số Chứng minh nhân dân hoặc số Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc số Hộ chiếu, số thị thực nhập cảnh (nếu có) quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; số giấy phép thành lập hoặc mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này là không bắt buộc đối với:a) Người thụ hưởng trong giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài;b) Người khởi tạo trong giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế từ nước ngoài về Việt Nam. |  |  |
|  | 5. Các giao dịch chuyển tiền điện tử không phải báo cáo bao gồm:a) Giao dịch chuyển tiền bắt nguồn từ giao dịch sử dụng thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng hoặc thẻ trả trước để thanh toán tiền hàng hóa dịch vụ;b) Giao dịch chuyển tiền và thanh toán giữa các tổ chức tài chính mà người khởi tạo và người thụ hưởng đều là các tổ chức tài chính. | Đề nghị sửa đổi khoản 5 như sau:“5. Các giao dịch chuyển tiền điện tử không phải báo cáo bao gồm:a) Giao dịch chuyển tiền bắt nguồn từ giao dịch sử dụng thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng hoặc thẻ trả trước để thanh toán tiền hàng hóa dịch vụ;b) Giao dịch chuyển tiền và thanh toán, *điều chuyển vốn* giữa các tổ chức tài chính mà người khởi tạo và người thụ hưởng đều là các tổ chức tài chính”. | 1. Việc sửa đổi khoản 5 Điều 9 Thông tư 09/2023/TT-NHNN bằng cách bổ sung vào điểm b về hoạt động điều chuyển vốn giữa các tổ chức tài chính nhằm làm rõ các giao dịch chuyển tiền điện tử không phải báo cáo, phù hợp với pháp luật Việt Nam và Khuyến nghị 16 của FATF. |
| 8 | **Điều 10. Hình thức và thời hạn báo cáo dữ liệu điện tử** |  |  |
| 1. Hình thức báo cáo dữ liệu điện tử:a) Đối tượng báo cáo thiết lập đường truyền, kết nối mạng truyền tin với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông qua Cục Công nghệ thông tin để gửi báo cáo, thông tin về phòng, chống rửa tiền;b) Báo cáo dữ liệu điện tử được truyền qua đường truyền, mạng truyền tin quy định tại điểm a khoản này. Báo cáo dữ liệu điện tử phải theo đúng định dạng dữ liệu, cấu trúc file theo hướng dẫn của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền;c) Đối tượng báo cáo được phép thực hiện chuyển tiền điện tử phải xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phù hợp phục vụ cho việc báo cáo bằng dữ liệu điện tử và phải có hệ thống phần mềm để quét, lọc theo danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách cá nhân có ảnh hưởng chính trị quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 3 và khoản 1 Điều 17 Luật Phòng, chống rửa tiền, phát hiện, cảnh báo dấu hiệu đáng ngờ nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền. | Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:“1. Hình thức báo cáo dữ liệu điện tử:*a) Đối tượng báo cáo đăng ký việc gửi báo cáo qua cổng thông tin điện tử của Cục Phòng, chống rửa tiền và thực hiện báo cáo dữ liệu điện tử qua hình thức kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi trực tiếp trên cổng thông tin điện tử.**b) Báo cáo dữ liệu điện tử phải theo đúng định dạng dữ liệu, cấu trúc file theo hướng dẫn của Cục Phòng, chống rửa tiền. Đối tượng báo cáo phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác đối với thông tin, dữ liệu báo cáo;*c) Đối tượng báo cáo được phép thực hiện chuyển tiền điện tử phải xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phù hợp phục vụ cho việc báo cáo bằng dữ liệu điện tử và phải có hệ thống phần mềm để quét, lọc theo danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách cá nhân có ảnh hưởng chính trị quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 3 và khoản 1 Điều 17 Luật Phòng, chống rửa tiền, *rà soát giao dịch* *để* phát hiện, cảnh báo dấu hiệu đáng ngờ nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền, *tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt”.* | 1. Việc sửa đổi, bổ sung điểm a và b khoản 1 Điều 10 Thông tư 09/2023/TT-NHNN nhằm cụ thể hóa trách nhiệm của đối tượng báo cáo trong việc sử dụng hệ thống báo cáo điện tử, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin, phù hợp với việc triển khai hệ thống báo cáo điện tử.2. Phù hợp với Khuyến nghị số 20 của FATF.3. Sử dụng thống nhất cụm từ “*rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt”.*4.Thay thế cụm từ “Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Phòng, chống rửa tiền”. |

1. Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ [↑](#footnote-ref-1)